

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số: **29** /2023 -TH1-VP

V/v: Công bố thông tin

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38264009 Email: gexim@ge1.com.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**
Địa chỉ: 75C Tổ 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam giải trình về lợi nhuận sau thuế của báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán thay đổi so với số liệu cùng kỳ năm 2021, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
	VND	VND	%
LNST trên BCTC riêng	(105,066,058,610)	252,340,903,775	-141.64%
LNST trên BCTC hợp nhất	(123,400,969,226)	238,705,916,132	-151.70%

Nguyên nhân:

Báo cáo tài chính riêng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu hoạt động tài chính	90,525,259,942	68,199,809,938	22,325,450,004	32.74%
Chi phí tài chính	57,881,879,709	(184,776,039,436)	242,657,919,145	131.33%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25,124,229,658	20,251,042,001	4,873,187,657	24.06%
Chi phí hoạt động (quản lý và bán hàng)	177,612,757,981	20,013,011,613	157,599,746,368	787.49%
Hiệu quả từ hoạt động khác	14,779,089,480	(872,975,987)	15,652,065,467	1792.95%



Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Chênh lệch
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	%
Doanh thu hoạt động tài chính	90,559,701,563	68,199,812,426	22,359,889,137	32.79%
Chi phí tài chính	55,873,625,519	(185,222,040,711)	241,095,666,230	130.17%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27,296,632,477	20,251,042,001	7,045,590,476	34.79%
Lợi nhuận hoạt động liên doanh, liên kết	(6,430,104,281)	(14,080,936,406)	7,650,832,125	54.33%
Chi phí hoạt động (quản lý và bán hàng)	178,323,190,471	20,013,066,613	158,310,123,858	791.03%
Hiệu quả từ hoạt động khác	(432,487,251)	(872,975,987)	440,488,736	50.46%

- Lợi nhuận của hoạt động tài chính năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021 do giảm hoạt động chứng khoán kinh doanh và chi phí lãi vay tăng (năm 2021 Công ty được miễn giảm lãi vay 216.77 tỷ đồng với các bên cho vay)
- Chi phí hoạt động (quản lý và bán hàng) năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 chủ yếu do việc tăng trích lập dự phòng công nợ dẫn đến tăng chi phí hoạt động trong kỳ.
- So với năm 2021, Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất tiêu thành phẩm và đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh.

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: <https://ge1.com.vn> vào ngày 30/03/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Phương



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	068-0
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-46

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/03/2022
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty âm 123,4 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022 là 216,43 tỷ đồng. Vấn đề này cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhưng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty với ông Hà Văn Hội và ông Trần Minh Hiếu với số tiền lần lượt là 34,7 tỷ đồng và 64 tỷ đồng đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

3. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác, Công ty đang ghi nhận khoản công nợ phải trả đối với bà Vũ Thị Ngọc với số tiền là 34,7 tỷ đồng để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, tuy nhiên chúng tôi không thể xác định được phạm vi, nội dung cũng như tiến độ thực hiện của các khoản hợp tác đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5305-2020-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		233.568.277.581	530.325.316.196
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.582.147.354	3.043.515.318
111	1. Tiền		5.582.147.354	3.043.515.318
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	38.347.967.356	87.692.974.795
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.948.389.000	65.961.066.939
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(4.144)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		23.399.578.356	21.731.912.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		131.794.765.248	400.560.401.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	114.799.948.050	152.885.447.984
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	238.063.576.397	239.043.140.459
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	260.906.255.118	339.566.639.436
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(482.425.014.317)	(331.384.826.573)
140	IV. Hàng tồn kho	10	50.140.813.785	32.611.641.778
141	1. Hàng tồn kho		50.140.813.785	32.611.641.778
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.702.583.838	6.416.782.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	278.071.397	258.950.836
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.284.382.441	6.017.702.163
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	140.130.000	140.130.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		240.634.022.954	238.511.181.126
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19.834.299.996	9.716.799.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	19.734.299.996	9.616.799.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.724.731.323	5.932.568.354
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.572.931.323	2.780.768.354
222	- Nguyên giá		10.333.629.901	13.130.913.509
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.760.698.578)	(10.350.145.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	13	112.592.998.074	115.612.141.206
231	- Nguyên giá		154.868.938.887	154.868.938.887
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.275.940.813)	(39.256.797.681)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	96.516.549.166	102.946.653.447
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		96.516.549.166	102.946.653.447
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.965.444.395	4.303.018.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.914.751.062	4.303.018.123
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		50.693.333	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		474.202.300.535	768.836.497.322

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		506.852.108.252	677.932.313.371
310	I. Nợ ngắn hạn		306.471.189.361	647.549.729.951
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	21.963.269.632	69.089.864.924
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	166.905.203	319.434.122
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	444.769.210	176.183.510
314	4. Phải trả người lao động		2.787.547.462	3.239.874.911
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	107.181.817	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	238.056.388.259	177.575.999.613
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	42.601.171.050	396.804.416.143
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		200.380.918.891	30.382.583.420
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	9.080.437.800	9.333.481.572
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	10.808.067.059	10.937.301.848
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	180.492.414.032	10.111.800.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(32.649.807.717)	90.904.183.951
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(32.649.807.717)	90.904.183.951
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(216.432.555.625)	(92.877.933.552)
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(93.030.955.994)	(331.583.849.744)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(123.401.599.631)	238.705.916.192
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		40.630.345	39.999.940
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		474.202.300.535	768.836.497.322

Nguyễn Thanh Thúy

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	253.553.717.104	208.482.598.122
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.553.717.104	208.482.598.122
11	4. Giá vốn hàng bán	24	226.257.084.627	188.231.556.121
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.296.632.477	20.251.042.001
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	90.559.701.563	68.199.812.426
22	7. Chi phí tài chính	26	55.873.625.519	(185.222.040.711)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.215.412.590	(186.229.054.755)
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(6.430.104.281)	(14.080.936.406)
25	9. Chi phí bán hàng	27	15.837.825.479	11.678.966.043
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	162.485.364.992	8.334.100.570
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(122.770.586.231)	239.578.892.119
31	12. Thu nhập khác	29	80.151.110	762.720.739
32	13. Chi phí khác	30	512.638.361	1.635.696.726
40	14. Lợi nhuận khác		(432.487.251)	(872.975.987)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(123.203.073.482)	238.705.916.132
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	248.589.077	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(50.693.333)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(123.400.969.226)	238.705.916.132
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(123.401.599.631)	238.705.916.192
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		630.405	(60)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(9.126)	17.485

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(123.203.073.482)	238.705.916.132
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.476.500.163	3.807.011.634
03	- Các khoản dự phòng		151.040.183.600	(3.838.133.934)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.149.200.512	109.862.121
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.757.166.509)	(11.804.320.609)
06	- Chi phí lãi vay		6.215.412.590	(186.229.054.755)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.921.056.874	40.751.280.589
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		118.629.152.620	(807.192.066)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(17.529.172.007)	(31.633.909.824)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.773.911.565	100.719.366.019
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.630.853.500)	(38.404.595)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		51.012.677.939	97.020.130.802
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.448.508.640)	(14.680.591.164)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(149.307.759)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		184.578.957.092	191.330.679.761
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(249.520.000)	(1.290.860.637)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	120.181.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(92.508.270.521)	(57.696.521.023)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		80.723.104.165	36.564.539.753
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(29.295.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.900.658.801	25.658.847.143
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.865.972.445	(25.938.812.946)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	40.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		298.269.132.696	207.388.445.214
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(485.167.418.039)	(370.472.165.411)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(186.898.285.343)	(163.043.720.197)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.546.644.194	2.348.146.618
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.043.515.318	723.838.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.012.158)	(28.470.098)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.582.147.354</u>	<u>3.043.515.318</u>



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 180 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 150 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

So với năm trước, Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất tiêu thành phẩm và đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa dẫn đến doanh thu trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh.

Trong năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty âm 123,4 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022 là 216,43 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bổ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng năm 2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Hà Nội	99,92%	99,92%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa được ghi nhận chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	248.623.336	599.676.607
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.333.524.018	2.443.838.711
	5.582.147.354	3.043.515.318

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	23.399.578.356	-	21.731.912.000	-
	23.399.578.356	-	21.731.912.000	-

Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 7% đến 11,25%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	-	1.041.070.428
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	-	31.903.449.579
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	14.948.389.000	15.470.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	33.015.519.120
- Cổ phiếu khác	-	-	-	1.027.812
	14.948.389.000	15.470.000.000	-	65.961.066.939
				73.774.547.500
				(4.144)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022.

Các cổ phiếu Công ty mới đầu tư thêm trong kỳ như sau:

- + Về số lượng: 340.000 cổ phiếu
- + Về giá gốc: 14.948.389.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2022				01/01/2022			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	54.197.891.006	Hà Nội	40,00%	40,00%	58.714.828.482
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	49,60%	49,60%	15.348.664.554	Hà Nội	49,60%	49,60%	15.351.413.441
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	27,00%	27,00%	26.969.993.606	Đắk Nông	27,00%	27,00%	28.880.411.524
				96.516.549.166				102.946.653.447

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022				01/01/2022			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	5,42%	5,42%	1.200.000.000	(1.200.000.000)	5,42%	5,42%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	43.200.000	-	-	-
	<u>43.200.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Công ty CP Tập đoàn Công nghệ T - Tech Việt Nam	-	-	52.606.831.200	-
- Qgaretco Foodstuff LLC	3.939.273.000	-	-	-
- Công ty TNHH Kowa	3.357.976.541	-	4.768.203.421	-
- Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện ELMACO	3.456.333.468	(3.456.333.468)	3.456.333.468	(3.456.333.468)
- Phải thu khách hàng khác	27.686.747.657	(14.161.184.806)	15.737.662.511	(14.161.184.806)
	<u>114.756.748.050</u>	<u>(93.933.935.658)</u>	<u>152.885.447.984</u>	<u>(93.933.935.658)</u>
Tổng cộng	<u>114.799.948.050</u>	<u>(93.933.935.658)</u>	<u>152.885.447.984</u>	<u>(93.933.935.658)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.951.584.452	-	1.961.161.352	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp 1	500.000.000	-	500.000.000	-
	2.451.584.452	-	2.461.161.352	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	48.379.179.373	(48.379.179.373)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Trả trước cho người bán khác	24.369.250.251	(18.257.566.811)	25.339.237.413	(17.570.888.499)
	235.611.991.945	(229.500.308.505)	236.581.979.107	(228.813.630.193)
Tổng cộng	238.063.576.397	(229.500.308.505)	239.043.140.459	(228.813.630.193)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn						
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	(450.000.000)	-	-	450.000.000	(450.000.000)
	450.000.000	(450.000.000)			450.000.000	(450.000.000)
b) Dài hạn						
Bên liên quan						
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao (1)	9.616.799.996	-	10.117.500.000	-	19.734.299.996	-
	9.616.799.996	-	10.117.500.000	-	19.734.299.996	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2021/TH1-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.734.299.996 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	154.016.349.475	(151.623.509.432)	151.729.737.486	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.721.360	-	19.628.741	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	2.827.755	-	3.335.097	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.045.170	-	2.377.960	-
- Tạm ứng	767.050.418	-	578.290.265	-
- Ký cược, ký quỹ	32.000.000	-	78.727.600	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu hợp tác Khai thác Khoáng sản Nghệ An phòng 1	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	1.680.000.000	(1.680.000.000)	2.950.000.000	(2.950.000.000)
- Có phiếu (EIB) được phong tỏa	-	-	143.778.121.306	-
- Phải thu hợp tác kinh doanh với Ông Hà Văn Hội ⁽³⁾	34.700.000.000	-	34.700.000.000	-
- Phải thu hợp tác Ông Trần Minh Hiếu ⁽²⁾	64.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.294.599.072	(842.598.854)	1.331.759.113	(842.598.854)
	260.906.255.118	(158.540.770.154)	339.566.639.436	(8.187.260.722)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
a.2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.847.804.409	-	106.228.054	-
	1.847.804.409	-	106.228.054	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam ⁽¹⁾	151.623.509.432	(151.623.509.432)	151.623.509.432	-
- Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	545.035.634	-	-	-
- Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Công ty Khai thác Khoáng sản Nghệ An	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Ông Nguyễn Xuân Nam	1.680.000.000	(1.680.000.000)	2.950.000.000	(2.950.000.000)
- Cổ phiếu (EIB) được phong tỏa	-	-	143.778.121.306	-
- Ông Trần Minh Hiếu ⁽²⁾	64.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Hóa chất công nghiệp và vật tư tổng hợp	842.598.854	(842.598.854)	842.598.854	(842.598.854)
- Ông Hà Văn Hội ⁽³⁾	34.700.000.000	-	34.700.000.000	-
- Phải thu các bên khác	1.272.644.921	-	1.171.519.922	-
	259.058.450.709	(158.540.770.154)	339.460.411.382	(8.187.260.722)
Tổng cộng chi tiết theo đối tượng	260.906.255.118	(158.540.770.154)	339.566.639.436	(8.187.260.722)

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu khác	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
- Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay trong đó bao gồm khoản lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 đồng. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu lãi đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 do không có khả năng thu hồi.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2022/HTĐT ngày 18/05/2022 giữa ông Trần Minh Hiếu và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Trần Minh Hiếu hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHT/RAINBOW-HOI ngày 01/12/2021 giữa ông Hà Văn Hội và Công ty để hợp tác đầu tư mua cổ phiếu trên các sản giao dịch chứng khoán HSX, HNX, OTC hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác với thời hạn 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	48.379.179.373	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	-	-
- Các khoản khác	58.850.509.614	-	60.127.509.615	693.678.313
	482.425.014.317	-	332.078.504.886	693.678.313

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.591.919.899	-	20.476.622.522	-
Công cụ, dụng cụ	7.247.527	-	28.007.046	-
Thành phẩm	3.375.376.359	-	2.485.481.116	-
Hàng hoá	1.166.270.000	-	9.621.531.094	-
	50.140.813.785	-	32.611.641.778	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	5.112.821.251		5.861.617.562		1.941.106.092		215.368.604		13.130.913.509	
- Mua trong kỳ	-		249.520.000		-		-		249.520.000	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(3.046.803.608)		-		-		(3.046.803.608)	
Số dư cuối kỳ	5.112.821.251		3.064.333.954		1.941.106.092		215.368.604		10.333.629.901	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	4.998.512.447		4.615.981.648		520.282.456		215.368.604		10.350.145.155	
- Khấu hao trong kỳ	20.267.983		182.839.264		254.249.784		-		457.357.031	
- Thanh lý, nhượng bán	-		(3.046.803.608)		-		-		(3.046.803.608)	
Số dư cuối kỳ	5.018.780.430		1.752.017.304		774.532.240		215.368.604		7.760.698.578	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	114.308.804		1.245.635.914		1.420.823.636		-		2.780.768.354	
Tại ngày cuối kỳ	94.040.821		1.312.316.650		1.166.573.852		-		2.572.931.323	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 94.040.821 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.561.215.297 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 154.868.938.887 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 là 42.275.940.813 đồng, khấu hao trong kỳ là 3.019.143.132 đồng. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 112.592.998.073 đồng. Nguyên giá bất động sản đầu tư hết khấu hao, còn sử dụng là 19.007.497.497 đồng. Doanh thu từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 13.718.947.608 đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	40.466.388	69.410.972
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.605.009	189.539.864
	278.071.397	258.950.836
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.650.249.664	3.802.343.400
Chi phí sửa chữa	1.788.086.671	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.011.358	33.038.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	473.403.369	467.636.059
	5.914.751.062	4.303.018.123

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần có thời hạn 32 năm tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9.060 m2 được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và không thu tiền sử dụng đất.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
Bên khác				
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty cổ phần PACIFIC PARTNERS	-	-	52.551.831.200	52.551.831.200
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ XNK Hải Hà	3.297.872.000	3.297.872.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.728.656.488	2.728.656.488	601.292.580	601.292.580
	21.963.269.632	21.963.269.632	69.089.864.924	69.089.864.924

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty Cổ phần tư vấn giám sát xây dựng Đức Quang	-	209.623.932
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Phùng Hoan Gia Lai	163.800.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	3.105.203	109.810.190
	166.905.203	319.434.122

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	158.941.104	-	3.126.890.691	2.942.503.252	-	2.942.503.252	-	-	-	-	343.328.543
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	248.589.077	149.307.759	-	149.307.759	-	-	-	-	99.281.318
Thuế Thu nhập cá nhân	-	17.242.406	-	452.482.905	467.565.962	-	467.565.962	-	-	-	-	2.159.349
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	-	2.307.195.034	2.307.195.034	-	2.307.195.034	-	140.130.000	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	12.000.000	12.000.000	-	12.000.000	-	-	-	-	-
	140.130.000		176.183.510	6.147.157.707	5.878.572.007		140.130.000		140.130.000			444.769.210

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền thuê căn hộ	107.181.817	-
	107.181.817	-
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.080.437.800	9.333.481.572
	9.080.437.800	9.333.481.572

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	828.943.509	887.066.912
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480.951.500	267.378.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay ⁽¹⁾	96.759.032.239	94.992.128.289
- Bà Vũ Thị Ngọc ⁽²⁾	34.700.000.000	34.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh ⁽³⁾	10.000.000.000	35.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương ⁽⁴⁾	64.000.000.000	-
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Thương mại AMP ⁽⁵⁾	20.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.705.610.656	9.447.575.746
	238.056.388.259	177.575.999.613
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	808.067.059	937.301.848
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ⁽⁶⁾	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.808.067.059	10.937.301.848

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng được chi tiết tại thuyết minh số 20.

(2) Khoản tiền hợp tác đầu tư số 01/HĐHT/HOI-GENERALEXIM ngày 01/12/2021 giữa bà Vũ Thị Ngọc và Công ty để hợp tác đầu tư mua cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán HSX, HNX, OTC hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

(3) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021 giữa Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty nhằm thực hiện dự án. Ngày 19/08/2022, Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty đã ký thanh lý thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021. Theo đó trong năm 2022, Công ty đã hoàn trả 25,7 tỷ tiền đặt cọc cho Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh.

(4) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 18052022/HĐCN-TH1-BHV ngày 18/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(5) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty CP Thương mại AMP ngày 14/10/2022 với Công ty để mua các tài sản trên đất tại phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(6) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	187.453.045.414	187.453.045.414	144.540.814.314	331.993.859.728	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ^(*)	186.572.856.713	186.572.856.713	-	186.572.856.713	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	880.188.701	880.188.701	144.540.814.314	145.421.003.015	-	-
Vay ngắn hạn bằng USD	157.330.178.489	157.330.178.489	143.761.257.032	258.766.264.471	42.325.171.050	42.325.171.050
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ^(*)	20.028.757.079	20.028.757.079	-	20.028.757.079	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	11.293.415.490	11.293.415.490	73.665.098.286	59.517.748.776	25.440.765.000	25.440.765.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An	63.645.037.699	63.645.037.699	-	63.645.037.699	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội ⁽²⁾	20.139.299.760	20.139.299.760	70.096.158.746	73.351.052.456	16.884.406.050	16.884.406.050
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC	42.223.668.461	42.223.668.461	-	42.223.668.461	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An ⁽³⁾	52.021.192.240	52.021.192.240	276.000.000	52.021.192.240	276.000.000	276.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁵⁾	51.745.192.240	51.745.192.240	-	51.745.192.240	-	-
	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000	276.000.000
Tổng cộng	396.804.416.143	396.804.416.143	288.578.071.346	642.781.316.439	42.601.171.050	42.601.171.050



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An ⁽³⁾	51.745.192.240	51.745.192.240	65.940.432.501	-	117.685.624.741	117.685.624.741
- Công ty Cổ phần Sam Holdings ⁽⁴⁾	9.616.800.000	9.616.800.000	9.224.500.000	-	18.841.300.000	18.841.300.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁵⁾	771.000.000	771.000.000	-	276.000.000	495.000.000	495.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC ⁽⁶⁾	-	-	43.746.489.291	-	43.746.489.291	43.746.489.291
	62.132.992.240	62.132.992.240	118.911.421.792	276.000.000	180.768.414.032	180.768.414.032
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(52.021.192.240)	(52.021.192.240)	(276.000.000)	(52.021.192.240)	(276.000.000)	(276.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	10.111.800.000	10.111.800.000			180.492.414.032	180.492.414.032

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (gọi tắt "VAB") theo Hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 có số dư nợ gốc là: 186.572.856.713 đồng và 875.574,08 USD (tương đương 20.028.757.079 đồng). Khoản vay này được đảm bảo bằng lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Công ty đã sử dụng tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với VAB như sau:
 - Ngày 23/08/2018, Công ty và VAB ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối hợp đồng tín dụng nêu trên. Bao gồm: toàn bộ tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất và lợi thế thương mại số 500-032/14/VAB/TCTSTTL ngày 11/09/2014; cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 6.000.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán: EIB).
 - Ngày 19/10/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT thống nhất từ chối chuộc và chuyển quyền sở hữu 6.000.000 cổ phiếu của EIB để trả nợ cho VAB.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

- Ngày 28/10/2021, VAB và Công ty (bên bảo đảm) đã ký các văn bản:
 - + Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên đảm bảo. Trong đó quy định, Công ty giao tài sản bảo đảm là cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 5.353.631 cổ phiếu EIB sang cho VAB.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

- + Biên bản thanh lý thỏa thuận nhận tài sản đảm bảo để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm. Trong đó, quy định việc thống nhất chấm dứt và thanh lý Thỏa thuận cần trừ nợ ngày 23/08/2018 về Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Ngày 14/03/2022, Công ty và VAB đã có Biên bản làm việc thống nhất thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cấn trừ thu hồi nợ. Sau khi, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng và chuyển toàn bộ số tiền thu được cho VAB, khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu EIB và dư nợ gốc vay của VAB được Công ty ghi nhận vào Doanh thu hoạt động tài chính (Chi tiết tại Thuyết minh số 25).
- Ngày 15/03/2022, VAB đã gửi văn bản số 668/CV-TGD/22 đồng ý cho Công ty thực hiện chuyển nhượng số lượng cổ phiếu EIB trên và chuyển toàn bộ tiền bán được sang VAB. Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 11.353.631 cổ phiếu EIB và chuyển toàn bộ số tiền bán được là 385.860.628.583 đồng tới VAB.
- Theo xác nhận số dư tại ngày 31/12/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, số dư nợ gốc và nợ lãi quy đổi của Công ty với Ngân hàng là 0 đồng.
- (1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-22006195 ngày 15/07/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 28.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 14/07/2023;
 - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.073.450 USD (tương đương 25.440.765.000 đồng);
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ
- (2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 030622-849519-01-SME ngày 10/06/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 10/06/2022;
 - Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 708.090 USD (tương đương 16.884.406.050 đồng);
 - Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2022 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 117.685.624.741,00 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 74.543.182.621 VND (bao gồm: 2.531.465,41 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.
- (4) Vay dài hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắc Nông;
 - + Thời hạn cho vay: 24 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210066735 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 970.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư mua mới 01 xe ô tô con theo hợp đồng mua bán ký với Công ty TNHH TOYOTA Long Biên;
 - + Thời hạn cho vay : 36 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa Công ty và Ngân hàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.
- (6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 31/12/2022 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 43.746.489.291 đồng (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 đồng (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(329.617.917.429)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(145.875.799.866)
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	238.705.916.193	-	-	(60)	238.705.916.133	
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000	
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.965.932.316)	-	-	-	(1.965.932.316)	
Số dư cuối kỳ trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(92.877.933.552)	(981.900)	(981.900)	23.940.421.305	(92.877.933.552)	39.999.940	39.999.940	40.630.345	630.405	90.904.183.951	90.904.183.951
Số dư đầu kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(92.877.933.552)	(981.900)	(981.900)	23.940.421.305	(92.877.933.552)	39.999.940	39.999.940	40.630.345	630.405	90.904.183.951	90.904.183.951
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(123.400.969.226)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2021 (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(153.022.442)
Số dư cuối kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(216.432.555.625)	(981.900)	(981.900)	23.940.421.305	(216.432.555.625)	40.630.345	40.630.345	40.630.345	630.405	(32.649.807.717)	(32.649.807.717)

(*) : Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.13).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND	VND	(%)	(%)	VND	VND	(%)	(%)
Ông Đinh Đức Tùng	28.065.210.000	28.065.210.000	20,73	20,73	28.065.210.000	28.065.210.000	20,73	20,73
Ông Nguyễn Văn Nguyễn	26.961.230.000	26.961.230.000	19,91	19,91	26.961.230.000	26.961.230.000	19,91	19,91
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	21.500.000.000	21.500.000.000	15,88	15,88	21.500.000.000	21.500.000.000	15,88	15,88
Các cổ đông khác	58.865.820.000	58.865.820.000	43,48	43,48	58.865.820.000	58.865.820.000	43,48	43,48
Cổ phiếu quỹ	410.000	410.000	0,00	0,00	410.000	410.000	0,00	0,00
	135.392.670.000	135.392.670.000	100,00	100,00	135.392.670.000	135.392.670.000	100,00	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m²;

- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;

- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;

- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty hiện đang được cơ quan nhà nước giao quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, Công ty không phải chi trả các chi phí liên quan đến việc quản lý và sử dụng văn phòng tại địa chỉ trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	16.196,56	6.112,41
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	4.388.995.512	4.388.995.512

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	95.320.766.572	110.572.660.725
Doanh thu bán thành phẩm	72.363.466.815	34.498.973.055
Doanh thu hàng gia công	66.120.827.651	43.653.742.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.748.656.066	19.757.221.894
	<u>253.553.717.104</u>	<u>208.482.598.122</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>14.926.400.000</u>	<u>22.930.000.000</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.170.854.069	108.869.479.908
Giá vốn của thành phẩm	67.687.786.541	32.898.117.432
Giá vốn của hàng gia công	61.684.310.938	41.378.259.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.714.133.079	5.085.699.223
	<u>226.257.084.627</u>	<u>188.231.556.121</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.260.870.790	2.595.075.197
Lãi bán các khoản đầu tư	4.999.861.889	36.926.483.251
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.926.400.000	23.170.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.394.895.247	5.508.253.978
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	62.977.673.637	-
	<u>90.559.701.563</u>	<u>68.199.812.426</u>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<u>16.667.976.355</u>	<u>23.042.171.901</u>

(*) Doanh thu hoạt động tài chính khác trong đó bao gồm khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán EIB) và dư nợ gốc vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cần trừ thu hồi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.215.412.590	(186.229.054.755)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	41.124.402.832	658.787.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.384.613.729	238.273.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.149.200.512	109.862.121
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.144)	(236.356)
Chi phí tài chính khác	-	326.997
	<u>55.873.625.519</u>	<u>(185.222.040.711)</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.483.315	10.698.485
Chi phí nhân công	4.252.009.931	2.382.276.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.306.512	260.033.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.950.483.385	8.816.434.150
Chi phí khác bằng tiền	347.542.336	209.523.309
	<u>15.837.825.479</u>	<u>11.678.966.043</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	559.309.434	22.334.305
Chi phí nhân công	6.359.352.866	8.720.570.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.976.971	81.820.779
Thuế, phí, lệ phí	2.016.928.540	596.115.134
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	151.040.187.744	(3.837.897.578)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.517.708.664	1.861.631.755
Chi phí khác bằng tiền	796.900.773	889.525.274
	<u>162.485.364.992</u>	<u>8.334.100.570</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	120.181.818
Tiền phạt thu được	12.000.000	-
Thu nhập khác	68.151.110	642.538.921
	<u>80.151.110</u>	<u>762.720.739</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	262.647.190	1.570.481
Chi phí khác	249.991.171	1.634.126.245
	512.638.361	1.635.696.726

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Dịch vụ Rainbow	248.589.077	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	248.589.077	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(149.307.759)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	99.281.318	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(123.401.599.631)	238.705.916.192
Các khoản điều chỉnh	(153.022.442)	(1.965.932.316)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(153.022.442)	(1.965.932.316)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(123.554.622.073)	236.739.983.876
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(9.126)	17.485

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.965.084.796	41.050.210.194
Chi phí nhân công	51.940.434.206	33.062.302.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.476.500.163	3.807.011.634
Dự phòng phải thu khó đòi	151.040.187.744	(3.837.897.578)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.302.389.664	23.128.666.437
Chi phí khác bằng tiền	7.574.719.699	4.650.276.175
	<u>312.299.316.272</u>	<u>101.860.568.942</u>

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư ngắn hạn	14.948.389.000	-	-	14.948.389.000
	<u>14.948.389.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.948.389.000</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	65.961.062.795	-	-	65.961.062.795
	<u>65.961.062.795</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>65.961.062.795</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	5.582.147.354	-	-	5.582.147.354
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.231.497.356	100.000.000	-	123.331.497.356
Các khoản cho vay	-	19.734.299.996	-	19.734.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	23.399.578.356	-	-	23.399.578.356
	152.213.223.066	19.834.299.996	-	172.047.523.062
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	3.043.515.318	-	-	3.043.515.318
Phải thu khách hàng, phải thu khác	390.330.891.040	100.000.000	-	390.430.891.040
Các khoản cho vay	-	9.616.799.996	-	9.616.799.996
Chứng chỉ tiền gửi	21.731.912.000	-	-	21.731.912.000
	415.106.318.358	9.716.799.996	-	424.823.118.354

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	42.601.171.050	180.492.414.032	-	223.093.585.082
Phải trả người bán, phải trả khác	260.019.657.891	10.808.067.059	-	270.827.724.950
	302.620.828.941	191.300.481.091	-	493.921.310.032
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	396.804.416.143	10.111.800.000	-	406.916.216.143
Phải trả người bán, phải trả khác	246.665.864.537	10.937.301.848	-	257.603.166.385
	643.470.280.680	21.049.101.848	-	664.519.382.528

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ	120.000.000	30.000.000
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	120.000.000	30.000.000
Cho vay	10.117.500.000	9.616.799.996
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	10.117.500.000	9.616.799.996
Cổ tức nhận được	14.926.400.000	22.930.000.000
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	14.926.400.000	22.930.000.000
Lãi cho vay	1.741.576.355	112.171.901
Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	1.741.576.355	112.171.901

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 21/03/2022	68.391.304	65.000.000
Ông Phương Thừa Vũ	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 21/03/2022	21.652.174	42.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	986.460.000	943.170.000
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	60.000.000	35.000.000
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	25.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	60.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban BKS	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên BKS	36.000.000	21.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thanh Thúy
Người lậpMai Thu Hà
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam